Số: 2755/QĐ-UBND; 29/10/2026; 15:40:44;

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYÊN QUANG

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang)

	Phân loại theo cấp	Tổng số TTHC	DVCTT toàn trình	DVCTT một phần	Chưa cung cấp DVCTT	TTHC liên thông	TTHC có phí, lệ phí	TTHC không phụ thuộc địa giới
I. Thống kê TTHC liên quan đến cá nhân, tổ chức (cả TTHC Trung ương và địa phương quy định)								
1	**TTHC do Trung ương quy định**	**1.968**	**1.408**	**516**	**44**	**366**	**509**	**1.832**
a	TTHC cấp tỉnh	1.650	1.199	427	24	353	419	1.558
b	TTHC cấp xã	267	178	75	14	10	66	225
c	TTHC dùng chung (cấp tỉnh, cấp xã)	51	31	14	6	3	24	49
2	**TTHC do địa phương quy định**	**29**	**8**	**21**	**0**	**5**	**0**	**14**
a	TTHC cấp tỉnh	9	7	2	0	1	0	8
b	TTHC cấp xã	17	1	16	0	3	0	3
c	TTHC dùng chung (cấp tỉnh, cấp xã)	3	0	3	0	1	0	3
	Tổng số TTHC (1+2)	**1.997**	**1.416**	**537**	**44**	**371**	**509**	**1.846**
II. Thống kê TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước (cả TTHC Trung ương và địa phương quy định)								
1	**TTHC nội bộ do Trung ương quy định**	**520**	**58**	**85**	**376**	**61**	**0**	**0**
a	TTHC cấp tỉnh	477	48	84	344	57	0	0
b	TTHC cấp xã	36	7	1	28	0	0	0
c	TTHC dùng chung (cấp tỉnh, cấp xã)	7	3	0	4	4	0	0
2	**TTHC nội bộ do địa phương ban hành**	**15**	**3**	**0**	**12**	**12**	**0**	**0**
a	TTHC cấp tỉnh	10	3	0	7	7	0	0
b	TTHC cấp xã	5	0	0	5	5	0	0
c	TTHC dùng chung (cấp tỉnh, cấp xã)	0	0	0	0	0	0	0
	Tổng số TTHC (1+2)	**535**	**61**	**85**	**388**	**73**	**0**	**0**
	TỔNG CỘNG (I + II)	**2.532**	**1.477**	**622**	**432**	**444**	**509**	**1.846**

Thống kê theo thẩm quyền giải quyết (cả TTHC Trung ương và địa phương, cả cá nhân/tổ chức và nội bộ)								
	Phân loại theo cấp	**Tổng số TTHC**	**DVCTT toàn trình**	**DVCTT một phần**	**Chưa cung cấp DVCTT**	**TTHC liên thông**	**TTHC có phí, lệ phí**	**TTHC không phụ thuộc địa giới**
	TTHC cấp tỉnh	2.146	1.257	513	375	418	419	1.566
	TTHC cấp xã	325	186	92	47	18	66	228
	TTHC dùng chung (cấp tỉnh, cấp xã)	61	34	17	10	8	24	52
	Tổng cộng	**2.532**	**1.477**	**622**	**432**	**444**	**509**	**1.846**